ĐỐI CHIẾU ĐẶC ĐIỂM CẤU TRÚC CỦA THÀNH NGỮ VIỆT - ANH VỀ TÌNH YÊU, HÔN NHÂN, GIA ĐÌNH

NGHIÊM THỊ BÍCH DIỆP *

Tóm tắt: Nghiên cứu này khảo sát các đặc điểm nổi bật về cấu trúc của thành ngữ Việt-Anh về tình yêu, hôn nhân và gia đình nhằm tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt về cấu trúc của chúng. Kết quả nghiên cứu hy vọng sẽ có ích cho việc nhận diện và hiểu đúng ý nghĩa của nhóm thành ngữ này trong hành chức.

Từ khóa: thành ngữ, đặc điểm cấu trúc, hành chức

Abstract: The study looks into the prominent structural features of Vietnamese-English idioms about love, marriage, and family to identify the similarities and differences in terms of their structures. The findings will be useful for recognizing them and interpreting their meaning in contextual use.

***Keywords*:** idioms**,** structural features, contextual use.

1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu đối chiếu đặc điểm cấu trúc của thành ngữ Việt - Anh về tình yêu, hôn nhân và gia đình, trình bày đặc điểm cấu trúc của nhóm thành ngữ này ở hai ngôn ngữ để từ đó có sự đối chiếu những đặc điểm giống và khác nhau theo bình diện hình thái cấu trúc, giúp người sử dụng tiếng Việt và tiếng Anh nhận diện và sử dụng nhóm thành ngữ này hiệu quả hơn.

Bài viết có nhiệm vụ nghiên cứu các quan điểm, lý thuyết về hình thái cấu trúc thành ngữ phù hợp với nghiên cứu hình thái cấu trúc thành ngữ Việt - Anh về tình yêu, hôn nhân, gia đình. Sau đó, phân tích các hình thái cấu trúc của nhóm thành ngữ Việt - Anh về tình yêu, hôn nhân, gia đình để từ đó nêu lên những điểm tương đồng và khác biệt khi chúng được sử dụng trong hành chức.

2. Cấu trúc của thành ngữ tiếng Việt về tình yêu, hôn nhân, gia đình

Xét về phương diện cấu tạo, thành ngữ được nghiên cứu với tư cách là cụm từ cố định có ý nghĩa hoàn chỉnh và nghĩa của nó thường không thể giải thích được một cách đơn giản bằng nghĩa của các từ tạo nên nó. Trong tiếng Việt, Đỗ Hữu Châu (1981) cho rằng thành ngữ là những đơn vị ngôn ngữ sẵn có, có cấu trúc ổn định, ý nghĩa điển hình và có chức năng định danh; Nguyễn Đức Dân (1986) cũng đưa ra nhận định tương tự: "thành ngữ là một cụm từ cố định có nghĩa hoàn chỉnh và có giá trị miêu tả"; Hoàng Văn Hành (2008) phát biểu với ý kiến tương đồng: "thành ngữ là một cụm từ cố định ổn định về cấu trúc, hoàn chỉnh và bóng bẩy về nghĩa". Ví dụ: thành ngữ *thay lòng đổi dạ* (thay đổi tình cảm, không chung thủy) không thể suy luận nghĩa từ nghĩa của các từ *thay, lòng, đổi, dạ.*

Với tư cách là cụm từ cố định, thành ngữ

* *ThS - Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Email: diepquantaymo@yahoo.com*

tiếng Việt được phân chia thành 2 loại chính: thành ngữ đối xứng và thành ngữ phi đối xứng.

Cũng có chung đặc điểm cấu trúc với các thành ngữ khác trong tiếng Việt, nhóm thành ngữ về tình yêu, hôn nhân, gia đình sẽ được phân tích về mặt cấu tạo theo từng phân loại cụ thể: thành ngữ đối xứng và thành ngữ phi đối xứng.

2.1. Cấu trúc đối xứng

Thành ngữ đối xứng trong tiếng Việt có số âm tiết là số chẵn được chia thành 2 phần trái ngược nhau (Bùi Khắc Việt, 1981). Có cùng nhận định đó, Nguyễn Công Đức (1995) cho rằng: "thành ngữ đối xứng luôn chứa 2 phần có nghĩa trái ngược nhau và cùng nhau tạo lập nghĩa thành ngữ". Theo Hoàng Văn Hành (2008), đặc điểm điển hình nhất của thành ngữ đối xứng là có sự đối xứng của 2 thành tố làm nên nó. Sự đối xứng này có thể theo hình thức đối lập về nghĩa, hoặc tương ứng nhau của những yếu tố cùng loại. Ví dụ, thành ngữ: *mẹ tròn con vuông* (cả 2 mẹ con đều khỏe mạnh sau sinh) có 2 phần đối nhau: mẹ tròn - con vuông, 2 phần đối xứng này không thực sự mang ý nghĩa trái ngược mà thậm chí là ý nghĩa tương hỗ nhau, tạo ra chỉnh thể hoàn hảo. *Mẹ* là yếu tố cùng loại với *con*, còn *tròn* và *vuông* cũng là các yếu tố cùng loại và ý nghĩa có sự tương phản nhất định theo quan niệm chung. Một ví dụ khác: *có nếp có tẻ* (có cả con trai và con gái) có 2 phần đối xứng nhau: có nếp - có tẻ, trong đó thành tố nếp - tẻ có thể xem như đối nhau nếu tách riêng trong ngữ cảnh khác nhưng khi cùng làm nên ý nghĩa cho thành ngữ thì nếp - tẻ hay có nếp - có tẻ lại cùng nhau tạo dựng một chỉnh thể đầy đủ, hoàn hảo.

Cấu trúc đối xứng của thành ngữ tiếng Việt nhìn chung có dạng:

A	**B**
Mẹ tròn	*con vuông*

Thành ngữ đối xứng trong tiếng Việt nói chung và nhóm thành ngữ nói về tình yêu, hôn nhân, gia đình nói riêng có thể là **cụm danh từ** (ví dụ: *cha già con cọc*, *mẹ tròn con vuông*, *trai tài gái sắc, duyên ưa phận đẹp, lửa đượm hương nồng, chăn đơn gối chiếc, đầu gối má kề, cơm dẻo canh ngọt, con dòng cháu giống, con ông ấm cháu ông củ, máu mủ ruột già, rể hiền dâu thảo*,...), **cụm động từ** (ví dụ: *ăn cạnh nằm kề*, *ăn đời ở kiếp, ăn tùy chủ ngủ tùy chồng, gìn vàng giữ ngọc, chỉ non thề biển, dựng vợ gả chồng, nâng khăn sửa túi, đơm hoa kết trái, bán vợ đợ con*, *có mới nới cũ*, *chia uyên rẽ thúy, thay lòng đổi dạ*,...), **cụm tính từ** (ví dụ: *cao không tới thấp không thông, già nhân ngãi non vợ chồng, giàu vì bạn sang vì vợ*, *tốt mái hại sống*, *xấu chàng hổ ai*,...), **cụm trạng từ** (ví dụ: *xa mặt cách lòng*, *đầu mày cuối mắt*, *trên thuận dưới hòa, trong ấm ngoài êm*,...). Thành ngữ đối xứng có cấu trúc là cụm danh từ thì sẽ có 2 danh từ là thành tố chính đứng đối xứng với nhau có thể theo hình thức đối lập về nghĩa, hoặc tương ứng nhau của những yếu tố cùng loại (ví dụ: cha - mẹ, mẹ - con, trai - gái). Thành ngữ đối xứng có cấu trúc là cụm động từ thì sẽ có 2 động từ là thành tố chính đứng đối xứng với nhau có thể theo hình thức đối lập về nghĩa, hoặc tương ứng nhau của những yếu tố cùng loại, hoặc là 2 yếu tố của cùng một động từ ghép (ví dụ: ăn - ở, gìn - giữ, bán - đợ). Thành ngữ đối xứng có cấu trúc là cụm tính từ thì sẽ có 2 tính từ là thành tố chính đứng đối xứng với nhau có thể theo hình thức đối lập về nghĩa, hoặc tương ứng nhau của những yếu tố cùng loại, hoặc là 2 yếu tố của cùng một tính từ ghép (ví dụ: cao - thấp, già - non, giàu - sang). Thành ngữ đối xứng có cấu trúc là cụm trạng từ thì sẽ có 2 trạng từ là thành tố chính đứng đối xứng với nhau có thể theo hình thức đối lập về nghĩa, hoặc tương ứng nhau của những yếu tố cùng loại, hoặc là 2 yếu tố của cùng một trạng từ ghép (ví dụ: xa - cách). Khi 2 thành tố chính trong thành ngữ đối xứng không đối lập về

nghĩa mà là 2 yếu tố cùng loại hoặc 2 yếu tố được tách ra từ một từ ghép thì tính đối xứng của thành ngữ đó được tạo nên nhờ thành phần bổ ngữ cho yếu tố chính. Ví dụ: thành ngữ *mẹ tròn con vuông* có thành phần bổ ngữ "tròn - vuông" tạo nên tính đối xứng cho cấu trúc của thành ngữ này.

Thành ngữ đối xứng tiếng Việt về tình yêu, hôn nhân, gia đình chiếm tỉ lệ lớn. Thành ngữ đối xứng có cấu trúc là cụm danh từ chiếm đa số, tiếp đến là thành ngữ đối xứng có cấu trúc là cụm động từ. Không nhiều thành ngữ đối xứng có cấu trúc là cụm tính từ và cụm trạng từ.

2.2. Cấu trúc phi đối xứng

Thành ngữ có cấu trúc phi đối xứng không có 2 vế thành phần đối xứng nhau và nghĩa thành ngữ là nghĩa bóng, nghĩa hình tượng. Thực tế, những thành ngữ không có thành phần cấu tạo giống với thành ngữ đối xứng thì đều được xếp vào phân loại thành ngữ phi đối xứng. Qua khảo sát cho thấy, loại thành ngữ này trong tiếng Việt không nhiều, chỉ có hơn 20% thành ngữ tiếng Việt về tình yêu, hôn nhân và gia đình có cấu trúc phi đối xứng. Ví dụ: *bắt cá hai tay, bầu đoàn thê tử, lắm mối tối nằm không, lấy chồng nhờ hồng phúc nhà chồng, cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy, dột từ nóc dột xuống, có nhớn chưa có khôn, đứt gánh giữa đường, ván đã đóng thuyền, chưa đi đến chợ đã hết tiền, rổ rá cạp lại, tôm lộn cứt lên đầu, già chơi trống bỏi, phúc đức tại mẫu,...*

Trong nhóm thành ngữ phi đối xứng, có một số thành ngữ có cấu trúc so sánh. Những thành ngữ này được gọi tên là thành ngữ so sánh.

Thành ngữ so sánh bao gồm những thành ngữ có cấu trúc là một cấu trúc so sánh. Ví dụ: *Cưới không bằng lại mặt*, *Mê như ăn phải bùa, Như vợ chồng Ngâu*,.... Mô hình tổng quát của thành ngữ so sánh giống như cấu trúc so sánh thông thường khác:

A ss B

Ở đây **A** là vế được so sánh, **B** là vế đưa ra để so sánh, còn *ss* là từ so sánh: *như, bằng, tựa, hệt*, *giống*,... Ví dụ: *buồn <u>như</u> cha chết*, *con nhà tông <u>không giống</u> lông cũng <u>giống</u> cánh*,…

Tuy vậy, sự hiện diện của thành ngữ so sánh trong tiếng Việt khá đa dạng, không phải lúc nào ba thành phần trong cấu trúc cũng đầy đủ. Chúng có thể có các kiểu như sau:

A ss B

Đây là dạng đầy đủ của thành ngữ so sánh. Ví dụ: *Say như điếu đổ*

(A) ss B

Ở kiểu này, thành phần **A** của thành ngữ không nhất thiết phải có mặt. Nó có thể xuất hiện hoặc không, nhưng người ta vẫn có thể hiểu đầy đủ ý nghĩa của thành ngữ. Ví dụ: *(Chắc) như đinh đóng cột, (Vui) như mở cờ trong bụng, (Chậm) như rùa*,...

ss B

Trong trường hợp này, thành ngữ không có thành phần **A**. Khi đi vào hoạt động trong câu nói, thành ngữ kiểu này sẽ được nối thêm với **A** một cách tuỳ nghi, nhưng nhất thiết phải có. **A** là đối tượng của câu nói và nằm ngoài thành ngữ. Ví dụ: *(cư xử với nhau) như mẹ chồng nàng dâu.*

Đối với thành ngữ so sánh tiếng Việt, có thể nêu một vài nhận xét về cấu trúc của chúng như sau:

- Vế **A** (vế được so sánh) không bắt buộc phải hiện diện trên cấu trúc hình thức, nhưng nội dung của nó thì vẫn luôn luôn là cái được *nhận ra*. **A** thường là những từ ngữ biểu thị thuộc tính, đặc trưng hoặc trạng thái hành động nào đó. Ví dụ: *như vợ chồng Ngâu, như ăn phải bùa*,…

- Từ so sánh trong thành ngữ so sánh tiếng Việt phổ biến nhất là từ *như*; ngoài ra còn những từ so sánh khác, chẳng hạn như: *tựa, tựa như, như thể, bằng, tày*,... (*gương <u>tày</u> liếp, tội <u>tày</u> đình*,...),…

- Vế **B** (vế để so sánh) luôn luôn hiện diện, một mặt để thuyết minh, làm rõ cho **A**, mặt khác,

nhiều khi nó chỉ bộc lộ ý nghĩa trong khi kết hợp với **A**, thông qua **A**. Ví dụ: Ý nghĩa *lạnh* của tiền chỉ bộc lộ trong *lạnh như tiền* mà thôi.

Mặt khác, các sự vật, hiện tượng, trạng thái được nêu ở **B** phản ánh khá rõ nét những dấu ấn về đời sống văn hóa vật chất và tinh thần của dân tộc Việt. Đối chiếu với thành ngữ so sánh của các ngôn ngữ khác, có thể dễ thấy sắc thái dân tộc của mỗi ngôn ngữ được thể hiện một phần ở đó.

- Vế **B** có cấu trúc không thuần nhất. **B** có thể là một từ. Ví dụ: *lạnh như tiền, đắng như bồ hòn, khinh như mẻ*,... **B** có thể là một kết cấu chủ - vị (một mệnh đề). Ví dụ: *Như đỉa phải vôi, Như thầy bói xem voi, Như xầm sờ vợ*,...

Ngoài những điều nói trên, khi đối chiếu các thành ngữ so sánh với cấu trúc so sánh thông thường của tiếng Việt, chúng tôi thấy:

- Các cấu trúc so sánh thông thường có thể có so sánh ngang bằng hoặc phủ định của so sánh ngang bằng. Ví dụ: *con có cha <u>như</u> nhà có nóc,* (so sánh ngang bằng), *con chăm cha <u>không bằng</u> bà chăm ông*, *con nhà tông <u>không giống</u> lông cũng giống cánh*, (so sánh phủ định ngang bằng).

- Nhiều từ so sánh và các phương tiện so sánh khác được sử dụng trong các cấu trúc so sánh thông thường mà trong cấu trúc của thành ngữ so sánh không có. Ví dụ: *chẳng khác gì, y như là, hơn là*,...

- Cấu trúc so sánh thông thường rất đa dạng, trong khi đó thành ngữ so sánh ít biến dạng hơn và nếu có thì cũng biến dạng một cách giản dị như đã nêu trên. Lý do chính là ở chỗ thành ngữ so sánh là cụm từ cố định, có tính chặt chẽ và bền vững về mặt cấu trúc và ý nghĩa.

Bên cạnh những thành ngữ so sánh có cấu trúc so sánh rõ ràng như đã trình bày ở phần trên thì còn có những thành ngữ được xây dựng trên cơ sở miêu tả một sự kiện, một hiện tượng bằng cụm từ và biểu hiện ý nghĩa một cách ẩn dụ. Xét về bản chất, ẩn dụ cũng là hiện tượng so sánh, nhưng đây là so sánh ngầm, từ so sánh không hề hiện diện. Cấu trúc bề mặt của thành ngữ loại này không phản ánh cái nghĩa đích thực của chúng. Cấu trúc đó có chăng chỉ là cơ sở để nhận ra và hiểu được ý nghĩa đích thực của thành ngữ.

Thành ngữ miêu tả ẩn dụ có thể nêu một sự kiện, hiện tượng. Ví dụ: *giọt máu đào* (quan hệ cùng huyết thống, người cùng gia đình hoặc họ hàng thân thích)*, tình yêu sét đánh* (cảm xúc yêu đương đến bất chợt từ cái nhìn đầu tiên)*, bắt cá hai tay* (cùng một lúc có quan hệ yêu đương với hai người). Thành ngữ miêu tả ẩn dụ có thể nêu hai sự kiện tương đồng. Ở đây, trong mỗi thành ngữ sẽ có hai sự kiện, hai hiện tượng được nêu, được phản ánh. Chúng tương đồng hoặc tương hợp với nhau (hiểu một cách tương đối). Ví dụ: *mẹ tròn con vuông* (cả mẹ và con đều khỏe mạnh sau sinh nở)*, có oản phụ xôi* (có người mới thì không đối xử tốt với người cũ nữa), *mãn nguyệt khai hoa* (đã đủ thời kỳ thai nghén và đến kỳ sinh nở). Thành ngữ miêu tả ẩn dụ còn có thể nêu hai sự kiện tương phản. Ngược lại với loại trên, mỗi thành ngữ loại này cũng nêu ra hai sự kiện, hai hiện tượng tương phản nhau hoặc chí ít cũng không tương hợp nhau. Ví dụ: *đũa mốc chòi mâm son* (không môn đăng hộ đối, là sự chênh lệch lớn giữa nhà gái và nhà trai), *tốt mái hại trống* (người vợ thì ngày càng trở nên béo khỏe hơn còn người chồng thì gầy ốm đi),…

Bên cạnh việc phân loại thành ngữ tiếng Việt theo cơ chế cấu tạo và cấu trúc, còn có thể phân loại chúng theo số tiếng. Một nét nổi bật đáng chú ý ở đây là các thành ngữ có số tiếng chẵn (bốn tiếng, sáu tiếng, tám tiếng) chiếm ưu thế áp đảo về số lượng. Điều này có cơ sở của nó. Người Việt rất ưa thích lối nói cân đối nhịp nhàng và hài hoà về âm điệu. Ngay ở bậc từ cũng thấy rằng hiện nay các từ song tiết (hai tiếng) chiếm tỉ lệ hơn hẳn các loại khác. Và từ lý do đó, tỉ lệ rất lớn thành

ngữ có số tiếng chẵn khiến cho những cụm từ như: *trăng tủi hoa sầu, tan cửa nát nhà, tháng đợi năm chờ, gìn vàng giữ ngọc*,... mang dáng dấp của các thành ngữ và rất hay được sử dụng.

3. Cấu trúc của thành ngữ tiếng Anh về tình yêu, hôn nhân và gia đình

Là ngôn ngữ biến hình, hình thái từ trong tiếng Anh đều có ý nghĩa ngữ pháp và ngữ nghĩa nhất định. Xét về cấu tạo, thành ngữ tiếng Anh nói chung, thành ngữ về tình yêu, hôn nhân và gia đình nói riêng là cụm từ cố định hoặc câu (cụm chủ-vị). Cụm từ cố định được xét đến cả các cụm từ có 2 từ trở lên, bao gồm: cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ, và cụm giới từ.

Qua khảo sát nhóm thành ngữ tiếng Anh về tình yêu, hôn nhân và gia đình trong nghiên cứu này, có thể nhận ra sự xuất hiện của các kiểu loại thành ngữ được phân loại theo cấu trúc cấu tạo tương đồng với thành ngữ tiếng Việt như: thành ngữ đối xứng (*out of sight, out of mind*), thành ngữ phi đối xứng (*win someone's heart*), thành ngữ so sánh (*like father like son*).

3.1. Cấu trúc đối xứng

Trong tiếng Anh cũng có thành ngữ đối xứng nhưng cấu trúc đối xứng của thành ngữ tiếng Anh thường phải có liên kết từ (*and, or, but, to* hoặc dấu phẩy) ngăn cách 2 vế thành ngữ.

A - and/or/but/, - B

Khảo sát của chúng tôi cho thấy loại thành ngữ đối xứng này không nhiều trong tiếng Anh, đặc biệt là rất hiếm trong nhóm thành ngữ về tình yêu, hôn nhân, gia đình. Ví dụ: o*ut of sight, out of mind* (xa mặt cách lòng), *love me, love my dog* (yêu tôi thì hãy yêu cả con chó của tôi), *flesh and blood* (máu mủ ruột già), *birds and bees* (ong bướm trăng hoa), *one's one and only* (yêu chỉ một người và là duy nhất), *kiss and make up* (làm lành).

3.2 Cấu trúc phi đối xứng

Trong tiếng Anh, thành ngữ phi đối xứng lại được thống kê với số lượng rất lớn. Trong nghiên cứu này, hơn 90% thành ngữ về tình yêu, hôn nhân, gia đình được tìm thấy có cấu trúc phi đối xứng. Ví dụ: *fall head over heels in love with someone* (yêu ai đó rất nhiều), *fall out of love* (hết yêu, chia tay), *declare one's love to someone* (tỏ tình với ai),…

Một đặc điểm có thể nhận thấy khá rõ về cấu trúc cấu tạo của thành ngữ tiếng Anh nói chung và nhóm thành ngữ tiếng Anh về tình yêu, hôn nhân và gia đình nói riêng là chúng đều có cấu tạo là một cụm từ (đa phần ngắn gọn, không nhiều thành ngữ có tính đối xứng). Mỗi thành ngữ tiếng Anh được cấu thành bởi một kiểu loại cụm từ cụ thể, không nhiều thành ngữ có sự hòa trộn cụm từ, hoặc các cụm từ tự do khó phân định.

Thành ngữ là cụm danh từ (noun phrase) bao gồm nhiều từ tố liên kết theo các bậc cấu trúc khác nhau. Một danh ngữ có thể kết hợp với mạo từ, phó từ, tính từ, thậm chí cả một danh ngữ khác hoặc cả một mệnh đề (cụm chủ vị). Danh ngữ thường được cấu tạo bởi 2 thành tố trở lên, bao gồm 1 danh từ trung tâm và 1 định tố (determiner). Ví dụ: *lovers' lane* (yêu nhau yêu cả đường đi lối về), *sweetie pie* (người yêu), *black sheep of the family* (đứa con hư trong gia đình),…

Thành ngữ là cụm động từ (verb phrase) được kết cấu tương đối đa dạng. Thành ngữ loại này có động từ là thành tố trung tâm kết hợp với các dạng từ khác như danh từ, danh ngữ, giới từ. Rất nhiều cụm động từ thành ngữ (có tính thành ngữ cao) được coi như thành ngữ thực thụ trong tiếng Anh. Qua khảo sát hơn 70% nhóm thành ngữ về tình yêu, hôn nhân, gia đình được cấu thành bởi cụm động từ thành ngữ (phrasal verbs) và các cụm động từ cố định. Ví dụ: *hit on someone* (phải lòng ai đó), *take after someone* (giống ai đó trong gia đình về ngoại hình hoặc tính cách), *split up* (chia tay),…

Thành ngữ có cấu tạo từ các tính ngữ

không nhiều như động ngữ. Tính ngữ là cụm từ cố định có tính từ làm thành tố trung tâm liên kết với giới từ phía sau. Các ngữ phân từ (V-ing/PII phrase) có chức năng bổ nghĩa cho danh từ giống như chức năng của tính từ nên cũng được xếp vào phân loại này. Ví dụ: *born out of wedlock* (sinh ra ngoài giá thú), *crazy about sb* (si mê ai đến điên dại),...

Thành ngữ có cấu tạo là cụm giới từ hay giới ngữ (prepositional phrase) là cụm từ cố định bắt đầu bằng 1 giới từ kết hợp với các từ khác như danh từ hoặc danh ngữ. Ví dụ: *with all one's heart* (bằng cả tấm lòng), *in a family way* (coi nhau như người gia đình),... Số lượng thành ngữ có cấu tạo là cụm giới từ cũng không nhiều trong tiếng Anh. Giới từ *like* (như, giống) hoặc *as* (như là, với tư cách là) kết hợp với các từ khác tạo dựng lên **thành ngữ so sánh**. Ví dụ: *like father like son* (cha nào con nấy), *like one of a family* (như người một nhà), *as good as gold* (rất ngoan ngoãn), *as safe as houses* (an toàn như ở nhà),…

Thành ngữ tiếng Anh về bản chất cũng là những cụm từ cố định mang ý nghĩa ẩn dụ, mà ẩn dụ có thể được hiểu là sự so sánh ngầm, là sự so sánh mà không có sự hiện diện của giới từ so sánh *like*, *as*. Từ đó, nhiều thành ngữ tiếng Anh cũng có thể được gọi tên là **thành ngữ miêu tả ẩn dụ**. Ví dụ: *lover's lane* (yêu ai yêu cả đường đi lối về), *an old flame* (người tình cũ), *sweetie pie/ sweet heart* (người yêu), *break someone's heart* (làm cho ai đó đau buồn vì không còn yêu nữa), *tie the knot/ walk down the aisle* (kết hôn),…

4. Kết luận

Qua nghiên cứu cấu tạo của thành ngữ Việt - Anh về tình yêu hôn nhân, gia đình có thể rút ra một số kết luận sau đây:

Xét về phương diện cấu tạo, thành ngữ tiếng Việt và thành ngữ tiếng Anh có chung 2 đặc điểm quan trọng: Một là, thành ngữ là cụm từ cố định hoàn chỉnh về mặt cấu trúc; Hai là, thành ngữ thường mang nghĩa bóng, khó suy đoán về nghĩa của các từ thành phần và hoàn chỉnh về mặt nghĩa.

Về cấu trúc, thành ngữ tiếng Việt và thành ngữ tiếng Anh đều được cấu thành bởi các cụm từ cố định, trong đó, thành ngữ là cụm động từ được tìm thấy nhiều nhất ở cả tiếng Việt và tiếng Anh.

Về phân loại thành ngữ dựa vào cấu tạo, tiếng Việt và tiếng Anh đều có thành ngữ đối xứng, thành ngữ phi đối xứng, thành ngữ so sánh, thành ngữ miêu tả ẩn dụ. Tuy nhiên, cấu trúc của thành ngữ tiếng Việt và thành ngữ tiếng Anh ở mỗi kiểu loại không hoàn toàn giống nhau, mỗi ngôn ngữ có cách diễn đạt theo cấu trúc có nét khác nhau. Trong đó, về số lượng của mỗi loại thành ngữ, thành ngữ đối xứng được tìm thấy nhiều nhất trong các kiểu loại ở tiếng Việt. Trái lại, kiểu loại thành ngữ này không nhiều trong tiếng Anh. Thành ngữ phi đối xứng là kiểu thành ngữ phổ biến trong tiếng Anh. Ở cả tiếng Việt và tiếng Anh, loại thành ngữ miêu tả ẩn dụ đều chiếm ưu thế bởi tính thành ngữ được làm nên chính là nhờ yếu tố miêu tả ẩn dụ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Đỗ Hữu Châu, *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1981.

[2] Nguyễn Đức Dân, *Ngữ nghĩa thành ngữ và tục ngữ - sự vận dụng*, *Ngôn ngữ*, số 3, 1986.

[3] Nguyễn Công Đức, *Bình diện cấu trúc hình thái ngữ nghĩa của thành ngữ tiếng Việt*, Luận án Phó Tiến sĩ Ngữ văn, Hà Nội, 1995.

[4] Hoàng Văn Hành, *Thành ngữ học tiếng Việt*, Viện Ngôn ngữ học, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2008.

[5] Bùi Khắc Việt, *Thành ngữ đối trong tiếng Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1981.

[6] *Cambridge Idioms Dictionary*, Cambridge, New York: Cambridge University Press, 2006.

[7] Fraser B., *Idioms within a Transformational Grammar*, Foundation of Language, 6, 22-42, 1970.

[8] Makkai A., *Idiom Structure in English*, The Hague: Mouton, 1972.

[9] Moon R., *Fixed Expressions and Idioms in English: A Corpus-Based Approach*, Oxford: Clarendon Press, 1998.